

**HAIHACHEM**

Butyl Acetate (MSDS01)

Ngày cập nhật: 01/01/2025

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

1.1. Nhận dạng hóa chất

Tên sản phẩm : Butyl Acetate
Tên gọi khác : Este butyl, N-Butyl axetate
Công thức hóa học : $\text{CH}_3\text{COOC}_4\text{H}_9$
Số CAS : 123 – 86 – 4
Số EINECS : 204 – 658 – 1
Số UN : 1123
Mục đích sử dụng : Sử dụng như một dung môi chỉ dùng trong các qui trình sản xuất công nghiệp.

1.2. Nhận dạng Công ty

Nhà cung cấp/nhập khẩu : CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HẢI HÀ
Địa chỉ : Lô CN5.2Q, Khu hóa chất hóa dầu, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.883.2929
Fax : 0225.883.2929
Email : haiha@haihachem.com
Website : <http://haihachem.com/>

2. NHẬN DẠNG NGUY CƠ ĐỘC HẠI

2.1. Phân loại theo hệ thống GHS

Phân loại : Chất lỏng dễ cháy Cấp 3
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn Cấp 3

Biểu tượng nhãn GHS



2.2. Cảnh báo nguy hiểm theo GHS

Lời cảnh báo : Nguy hiểm
Các cảnh báo nguy hiểm



Nguy hại vật lý
Nguy hại sức khỏe
Nguy hại môi trường

H226: Chất lỏng và hơi có nguy cơ cháy cao
H336: Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt
Không được phân loại vào nguy hại môi trường theo tiêu chí của GHS.

Biện pháp phòng ngừa
Phòng ngừa

P210: Tránh nhiệt, tia lửa, ngọn lửa, bề mặt nóng. Cấm hút thuốc
P233: Đóng kín thùng
P240: Phải nối dây liên kết, dây dẫn tiếp đất với thùng chứa và các vật tư tiếp nhận.
P241: Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ
P242: Chỉ sử dụng các thiết bị không tạo tia lửa
P243: Có biện pháp phòng ngừa sự phóng tĩnh điện
P261: Tránh hít phải bụi/khói/khí/sương/hơi/nước xịt ra
P271: Chỉ sử dụng bên ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt
P280: Đeo găng tay bảo hộ/mặc quần áo bảo hộ/đeo kính bảo hộ/mặt nạ bảo hộ
P303+P361+P353: Nếu dính trên da, hoặc tóc: tháo/cởi bỏ ngay lập tức toàn bộ quần áo bị dính phải. Rửa sạch da bằng vòi nước/vòi hoa sen
P370+P378: Trong trường hợp bị cháy: sử dụng phương tiện thích hợp để dập tắt
P304+P340: Nếu hít phải: di chuyển sang nơi không khí trong lành và giữ tư thế thoải mái để hít thở
P312: Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu bạn thấy không khỏe
P403+P233: cất giữ ở nơi thông gió. Giữ thùng chứa đóng chặt
P405: Nơi cất giữ phải được khóa lại
P235: Giữ khu vực lưu trữ mát mẻ
P501: Vứt bỏ các thành phần và thùng chứa tới nơi chôn lấp chất thải phù hợp với quy định của địa phương và quốc gia

Biện pháp ứng phó

Nơi cất giữ

Thải bỏ

3. THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên hóa chất	Số CAS	Hàm lượng
Butyl acetate	123-86-4	>99.0%

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

4.1. Sau khi hít phải

Chuyển nạn nhân sang nơi có không khí trong lành. Nếu không hồi phục nhanh thì chuyển tới cơ sở y tế gần nhất để điều trị.

4.2. Sau khi tiếp xúc với da

Loại bỏ quần áo bị nhiễm độc. Ngay lập tức rửa sạch với nhiều nước trong ít nhất 15 phút, sau đó rửa bằng xà phòng với nước nếu có sẵn. Nếu đỏ, sưng, đau và/hoặc xuất hiện mụn, chuyển tới cơ sở y tế gần nhất để điều trị.

4.3. Sau khi tiếp xúc với mắt

Rửa sạch mắt với nhiều nước. Nếu kích ứng vẫn không hết, cho điều trị y tế.

4.4. Sau khi nuốt phải

Nếu nuốt phải, đừng gây nôn: chuyển tới cơ sở y tế gần nhất để điều trị. Nếu bất kỳ dấu hiệu và triệu chứng chậm trễ nào sau đây xảy ra trong vòng 6 tiếng tới, chuyển nạn nhân tới cơ sở y tế gần nhất: sốt hơn 101° F (38.3° C), khó thở, tắc



ngến ngực hoặc ho liên tiếp hoặc thở khó khê. Nếu xảy ra nôn một cách tự nhiên, giữ đầu dưới hông để ngăn tràn vào lại. Không ăn uống gì. Không gây ối mửa.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- 5.1. Nguy hại cụ thể** Trong điều kiện cháy không hết, các khí độc hại được tạo ra có thể gồm CO, CO₂, khí đốt của hóa chất hữu cơ về nguyên tắc phải được phân loại là chất độc nhiễm qua đường thở. Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan tỏa khắp sàn nhà.
- 5.2. Phương tiện chữa cháy**
Phương tiện chữa cháy phù hợp Bột, bột khô hóa chất, CO₂, cát hoặc đất chỉ có thể dùng cho đám cháy nhỏ. Không xả nước chữa cháy vào khu vực thủy sinh.
Phương tiện chữa cháy không phù hợp Tia nước mạnh.
- 5.3. Thiết bị bảo hộ cho lính cứu hỏa** Mặc quần áo bảo hộ và thiết bị thở độc lập.
- 5.4. Lời khuyên khác** Nước chảy ra có thể gây ảnh hưởng tới môi trường. Sau khi dùng nước dập cháy xong, đào rãnh hoặc đắp bờ quai ngăn nước đó lại xử lý tránh ảnh hưởng tới môi trường.

6. BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ TAI NẠN

Lưu ý: Tuân theo các quy định liên quan của địa phương và quốc tế.

- 6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân và thiết bị bảo vệ** Tránh tiếp xúc với hóa chất bị đổ hoặc tràn ra. Cởi bỏ quần áo nhiễm độc ngay lập tức. Để được hướng dẫn lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân, xem chương 8 của tài liệu này. Để được hướng dẫn thải bỏ hóa chất bị đổ, xem chương 13 của tài liệu này.
- 6.2. Biện pháp phòng ngừa môi trường** Bịt kín các lỗ rò rỉ nếu có thể mà không gây rủi ro cho cá nhân. Loại bỏ tất cả các nguồn có thể gây cháy ở khu vực xung quanh. Dùng các công cụ ngăn chặn thích hợp (thiết bị và nước cứu hỏa) để tránh ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn lan tỏa hoặc xâm nhập vào cống, mương hoặc sông bằng cách dùng cát, đất hoặc các vật ngăn chặn thích hợp khác. Ví dụ, cố gắng phân tán hơi hoặc hướng đi của nó tới nơi an toàn bằng cách xịt sương. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh điện. Đảm bảo sự liên tục dòng điện bằng cách liên kết và nối tiếp đất tất cả các thiết bị.
- 6.3. Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và dọn dẹp** Đối với sự cố tràn chất lỏng nhiều (hơn 1 thùng phuy), sử dụng phương tiện cơ học như xe hút chân không hút vào bể chứa để thu hồi hoặc xử lý an toàn. Không rửa trôi phần cặn bã bằng nước, để nguyên nó như phần thải ô nhiễm. Cho phép phần cặn bay hơi hoặc ngâm nó với một chất hấp thụ thích hợp và thải bỏ an toàn. Với sự cố tràn chất lỏng ít (nhỏ hơn 1 thùng phuy), dùng phương tiện cơ học chuyển sang thùng chứa dán nhãn, niêm phong để thu hồi hoặc thải bỏ an toàn. Cho phép phần cặn còn lại bay hơi hoặc ngâm nó với chất hấp thụ thích hợp và thải bỏ an toàn. Lấy phần đất ô nhiễm và thải bỏ an toàn.
- 6.4. Tư vấn bổ sung** Thông báo cho chính quyền nếu xảy ra bất kỳ xâm nhiễm nào ra cộng đồng hoặc môi trường. Hơi có thể tạo thành hỗn hợp gây nổ với không khí.

7. LƯU Ý VỀ THAO TÁC VÀ LƯU TRỮ

**7.1. Lưu ý về thao tác**

Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn

Thận trọng trong việc xử lý

Tránh hít phải hơi hoặc tiếp xúc với hóa chất. Chỉ sử dụng ở nơi thông gió. Rửa kỹ càng sau khi xử lý. Về việc hướng dẫn lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân, xem chương 8 của tài liệu này. Dùng thông tin trong tài liệu này làm đầu vào để đánh giá tình trạng rủi ro trong khu vực địa phương để giúp xác định các biện pháp kiểm soát phù hợp cho giải quyết, lưu trữ và xử lý an toàn hóa chất này.

Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Dập tắt mọi ngọn lửa trần. Không hút thuốc. Loại bỏ các tác nhân gây cháy. Tránh tia lửa. Điện tĩnh có thể tạo ra trong quá trình bơm. Điện tĩnh có thể tạo ra lửa. Đảm bảo sự liên tục dòng điện bằng cách liên kết và nối tiếp đất tất cả các thiết bị. Hạn chế vận tốc dòng trong quá trình bơm để tránh tạo ra sự phóng tĩnh điện ($\leq 1\text{m/giây}$ cho đến khi đường ống ngập bằng hai lần đường kính của nó, sau đó là $\leq 7\text{m/giây}$). Tránh làm bắn nước. Không dùng khí nén để phun, xả hoặc tiến hành các xử lý. Hơi này nặng hơn không khí, lan tỏa trên mặt đất và có thể bắt lửa từ xa. Việc mở và xử lý thùng chứa phải thận trọng trong một khu vực thông gió tốt. Khu vực làm việc phải được thông gió sao cho nồng độ hóa chất không vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp. Không được đổ xuống cống rãnh.

7.2. Lưu ý về lưu trữ

Các điều kiện lưu trữ an toàn

Lưu ý khi vận chuyển hóa chất

Vật liệu khuyến dùng

Vật liệu không phù hợp

Lời khuyên về thùng chứa

Các bể chứa khối lượng lớn nên được đặt trong khu vực thông gió tốt và phải bao bọc xung quanh, tránh xa ánh nắng mặt trời, các nguồn gây cháy và các nguồn nhiệt khác. Tránh xa các bình xịt, các chất dễ cháy, các chất oxy hóa, chất ăn mòn và các sản phẩm dễ cháy khác mà không gây hại hoặc nhiễm độc cho con người và môi trường. Nhiệt độ lưu trữ: môi trường xung quanh.

Sự phóng tĩnh điện có thể xảy ra trong quá trình bơm. Phóng tĩnh điện có thể gây cháy. Đảm bảo tính liên tục dòng điện bằng cách liên kết và nối tiếp đất tất cả các thiết bị. Hạn chế vận tốc dòng trong quá trình bơm để tránh tạo ra phóng tĩnh điện ($\leq 1\text{m/giây}$ cho đến khi đường ống ngập bằng 2 lần đường kính của nó, sau đó là $\leq 7\text{m/giây}$). Tránh làm bắn nước. Không dùng khí nén để phun, xả, hoặc xử lý các hoạt động.

Đối với các thùng chứa, hoặc vật liệu lót thùng chứa, dùng thép nhẹ, thép không gỉ. Đối với sơn thùng chứa, sử dụng sơn epoxy, sơn silicat zinc.

Cao su tự nhiên, cao su butyl, cao su nitrile.

Các thùng chứa, ngay cả các thùng trống, có thể chứa hơi gây nổ. Không cắt, khoan, mài, hàn hoặc thực hiện các thao tác tương tự trên hoặc gần các thùng chứa.

7.3. Lưu ý khác

Đảm bảo tuân thủ tất cả các quy định địa phương liên quan đến thao tác xử lý và các thiết bị lưu trữ.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN**8.1. Thông số kiểm soát**

Các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Chất	Nguồn	Kiểu	ppm	mg/m ³	Ký hiệu
n-Butyl acetate	ACGIH	TWA	150		
		STEL	200		

8.2. Các kiểm soát phơi nhiễm

Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Việc sử dụng thông gió toàn bộ hay thông gió pha loãng thường không đảm bảo.



Thiết bị bảo hộ cá nhân	Thông gió cục bộ được ưu tiên hơn. Nên sử dụng thiết bị chống cháy nổ (như quạt, công tắc và ống dẫn nối đất) trong hệ thống thông gió cơ học.
Lời khuyên chung	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít phải hơi hoặc sương phun ra. Chỉ xử lý trong khu vực được trang bị vòi hoa sen an toàn. Vòi nước rửa mắt phải luôn sẵn sàng.
Các biện pháp vệ sinh	Khi làm việc không được ăn, uống hoặc hút thuốc. Cởi bỏ toàn bộ quần áo nhiễm độc ngay lập tức. Rửa tay ngay trước khi nghỉ và sau khi xử lý sản phẩm.
Bảo vệ hô hấp	Nếu có hóa chất hoặc hơi bay ra, yêu cầu dùng thiết bị bảo vệ hô hấp (bộ lọc khí A).
Bảo vệ tay	Đeo găng tay chống hóa chất (cao su butyl) hoặc tham khảo ý kiến của nhà sản xuất găng tay.
Bảo vệ mắt	Dùng kính bảo hộ an toàn. Ngoài kính bảo hộ, đeo thêm mặt nạ nếu có nguy cơ bị bắn vào mặt. Các thiết bị phải phù hợp với EN 166.
Bảo vệ da	Dùng quần áo không thấm nước.

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Cảm quan	Chất lỏng không màu
Mùi	Trái cây
Ngưỡng mùi	Không có dữ liệu
pH	Không áp dụng
Điểm sôi	126 °C
Điểm nóng chảy/đóng băng	-77 °C
Điểm chớp cháy	24 °C
Giới hạn nổ/cháy trong không khí	1.2 – 7.5 %(V)
Nhiệt độ tự bốc cháy	390°C (DIN 51794)
Áp suất hơi	1.5 kPa tại 2 °C 5.8 kPa tại 50 °C
Trọng lượng riêng	881 kg/m ³ tại 20 °C (ASTM D-1298)
Độ hòa tan trong nước	6.8 g/L tại 20 °C
Hệ số phân chia n-octanol/water (log Pow)	1.78
Nhiệt độ phân hủy	Lưu ý: Ổn định trong điều kiện sử dụng bình thường.
Mật độ hơi (không khí = 1)	4.0
Tốc độ bay hơi (nBuAc=1)	1 (ASTM D 3539, nBuAc=1)
Trọng lượng phân tử	116.16 g/mol

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

10.1. Độ ổn định hóa học

Phản ứng	Ổn định dưới điều kiện xử lý, sử dụng và vận chuyển bình thường.
Độ ổn định hóa học	Không phân hủy nếu sử dụng theo hướng dẫn. Nếu được nung nóng đến nhiệt độ phân hủy, các chất phân hủy ra phụ thuộc vào các điều kiện.



10.2. Điều kiện cần tránh	Tránh bất cứ nguồn gây lửa nào. Tránh nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần và tĩnh điện.
10.3. Chất không tương thích	Tránh xa: peroxit, tác nhân oxy hóa, axit mạnh, amin.
10.4. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm	Phân hủy nhiệt phụ thuộc nhiều vào điều kiện. Một hỗn hợp phức tạp gồm các chất rắn, chất lỏng và khí trong không khí, bao gồm CO, CO ₂ và các hợp chất hữu cơ khác sẽ được tạo ra khi chất này trải qua quá trình đốt cháy hoặc bốc nhiệt hoặc oxy hóa.
10.5. Khả năng phản ứng nguy hiểm	Không xảy ra phản ứng trùng hợp nguy hiểm.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

11.1. Thông tin về tác động độc hại

Cơ sở đánh giá	Thông tin được đưa ra dựa trên việc thí nghiệm sản phẩm, và/hoặc các chất tương tự, và/hoặc các thành phần tương tự.
Các cách lây nhiễm	Phơi nhiễm có thể xảy ra qua đường hô hấp, ăn uống, qua da, mắt hoặc vô tình nuốt phải.

11.2. Ngộ độc cấp tính

Ngộ độc cấp tính bằng đường miệng	Độc tính thấp: LD50 >5000 mg/kg, trên chuột.
Ngộ độc cấp tính qua da	Độc tính thấp: LD50 >5000 mg/kg, trên thỏ.
Ngộ độc cấp tính khi hít phải	LC50: 21 mg/kg, trên chuột, thời gian 4h (phương pháp OECD 403).

11.3. Ăn mòn/kích ứng da

Không gây kích ứng, trên thỏ.

11.4. Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng

Gây kích ứng mắt nhẹ, trên thỏ.

11.5. Mẫn cảm với da

Không gây mẫn cảm cho da, trên chuột bạch.

11.6. Độc tính gây đột biến (trong ống nghiệm – in vitro)

Thí nghiệm Ames, âm tính và không kích hoạt trao đổi chất.

11.7. Độc tính gây đột biến (trong cơ thể sống – in vivo)

Thí nghiệm thử khả năng đột biến trên chuột Hamster: âm tính.

11.8. Gây ung thư

Không gây ung thư.

11.9. Độc tính sinh sản và phát triển

Được cho là độc tính không phát triển. Không làm suy giảm khả năng sinh sản.

11.10. Độc tính thần kinh

Thử nghiệm 90 ngày trên chuột: âm tính. Cách thức tiếp xúc: đường miệng.

11.11. Thông tin thêm

Phơi nhiễm với nồng độ rất cao các chất giống nhau có thể gây ra nhịp tim không đều và ngừng tim.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

12.2. Ngộ độc cấp tính trên cá

Chủng loại	Cá tuế đầu bẹt
Phương pháp	Thử nghiệm chảy LC50: 18mg/l (96h)

**12.3. Ngộ độc cấp tính với bộ chết nước**

Chủng loại	Bộ nước
Phương pháp	Thử nghiệm tĩnh EC50: 44 mg/l (48h)

12.4. Ngộ độc cấp tính với vi khuẩn

Chủng loại	Vi khuẩn <i>Pseudomonas putida</i>
Phương pháp	EC50: 959 mg/l (18h)

12.5. Ngộ độc cấp tính với thực vật thủy sinh

Chủng loại	Tảo lục
Phương pháp	Thử nghiệm tĩnh EC50: 115 mg/l (16h) Thử nghiệm tĩnh EC50: 200 mg/l (72h)

12.6. Khả năng tích tụ sinh học : Khả năng tích lũy sinh học không được mong đợi.

13. XỬ LÝ CHẤT THẢI

- 13.1. Loại bỏ chất thải** Phục hồi hoặc tái chế nếu có thể. Trách nhiệm của người xử lý chất thải là xác định độc tính và tính chất vật lý của chất thải được tạo ra để xác định phương pháp phân loại và phương pháp thải bỏ phù hợp theo quy định hiện hành. Không vứt bỏ vào trong môi trường, cống hoặc nguồn nước. Chất thải không được phép làm ô nhiễm vào đất hoặc nguồn nước.
- 13.2. Loại bỏ thùng chứa** Xả hết thùng chứa. Sau khi xả, thông hơi ở một nơi an toàn cách xa lửa. Phần cặn bã có thể gây ra nguy hại cháy nổ. Không đâm, cắt, hoặc hàn các thùng phuy chưa được làm sạch. Chuyển đến nơi thu hồi thùng phuy hoặc thu hồi kim loại.
- 13.3. Luật pháp địa phương** Việc xử lý chất thải phải phù hợp với luật và quy định áp dụng cho khu vực, quốc gia, và địa phương.

020
ING
PHÂN
CH
H.
HEMJS
HAI

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN**14.1. Bộ giao thông vận tải Hoa Kỳ**

Số nhận dạng	: UN 1123
Tên hàng vận chuyển	: Butyl Acetates
Hạng	: 3
Nhóm đóng gói	: III
Số lượng báo cáo (RQ)	: 5000lb/2270kg
Hướng dẫn khẩn cấp	: 128

14.2. ADR/RID

Hạng	: 3
Nhóm đóng gói	: III
Số UN	: UN 1123
Tên hàng vận chuyển	: Butyl Acetates
Mã giới hạn vận chuyển qua đường hầm	: (D/E)
Số nguy hại	: 30

**14.3. IMDG**

UN/ID No.	: UN 1123
Tên hàng vận chuyển	: Butyl Acetates
Hạng	: 3
Nhóm đóng gói	: III
Mã EmS	: F-E, S-D

14.4. ADN

	: Container và tàu chở dầu
Số nhận dạng	: UN 1123
Tên hàng vận chuyển	: Butyl Acetates
Hạng/mục	: 3
Nhóm đóng gói	: III

14.5. ICAO/IATA

Số UN	: UN 1123
Tên hàng vận chuyển	: Butyl Acetate
Hạng/mục	: 3
Nhóm đóng gói	: III

15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT**15.1. Tình trạng khai báo, đăng ký danh sách hóa chất của các quốc gia**

AICS	Đã liệt kê
DSL	Đã liệt kê
INV (CN)	Đã liệt kê
ENCS (JP)	Đã liệt kê (2) - 542
TSCA	Đã liệt kê
EINECS	Đã liệt kê 203-550-1
KECL (KR)	Đã liệt kê KE – 24725
PICCS (PH)	Đã liệt kê

15.2. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

- Luật hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 10 năm 2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất
- Nghị định 82/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 10 năm 2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất
- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ
- QCVN 05A:2020/BCT, quy chuẩn quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm



16. THÔNG TIN KHÁC

16.1. Cảnh báo nguy hiểm theo GHS

H226 : Chất lỏng và hơi có nguy cơ cháy cao
H336 : Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt

16.3. Lưu ý cho người đọc

: Thông tin trong tài liệu này được biên soạn dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi nhằm để sử dụng cho mục đích bảo vệ sức khỏe, an toàn và môi trường. Hóa chất trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo điều kiện sử dụng và tiếp xúc.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HẢI HÀ



